

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN Ô MÔN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2018/HSST
Ngày: 08/8/2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN Ô MÔN – THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trương Thị Liên**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Văn Thiện

Chức vụ, nơi công tác: Phó Phòng y tế quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ.

2. Ông Nguyễn Mai Độ

Chức vụ, nơi công tác: Bí thư Đoàn TNCS Hồ Chí Minh Phường Châu Văn Liêm, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Hằng – Thư ký Tòa án nhân dân quận Ô Môn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ô Môn tham gia phiên tòa:
Bà Trần Ngọc Loan – Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 08 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 42/2018/HSST ngày 24/7/2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2018/QĐXXST-HS ngày 26/7/2018 đối với bị cáo:

Trương Văn Bé N, sinh năm 1978.

Nơi đăng ký hộ khẩu: Khu vực H, phường L, quận M, thành phố Cần Thơ.

Nghề nghiệp: làm thuê; Trình độ văn hóa: 04/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Hòa hảo; Con ông Trương Văn N, sinh năm 1952 (sống) và bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1955 (sống); Anh chị em ruột: có 06 người, lớn nhất sinh năm 1970, nhỏ nhất sinh năm 1989. Bản thân chưa vợ con. Tiền sự: Không; Tiền án: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 10/5/2018. *(Bị cáo có mặt tại phiên tòa)*

- *Người bị hại:* **Lê Thị H**, sinh năm 1980. *(Có mặt)*

Địa chỉ: Khu vực S, phường T, quận M, thành phố Cần Thơ.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/ **Nguyễn Thị P**, sinh năm 1966. *(Có đơn xin xét xử vắng mặt)*

Địa chỉ: Khu vực Q, phường H, quận N, thành phố Cần Thơ.

2/ **Phạm Thị D**, sinh năm 1977. *(Có mặt)*

Địa chỉ: Số X, khu vực H, phường L, quận M, thành phố Cần Thơ.

3/ **Nguyễn Văn Thái A**, sinh năm 2004. *(Có mặt)*

Người giám hộ: **Phạm Thị D**, sinh năm 1977, là mẹ ruột của Nguyễn Văn Thái A *(Có mặt)*

Cùng địa chỉ: Số X, khu vực H, phường L, quận M, thành phố Cần Thơ.

2/ **Nguyễn Ngọc L**, sinh năm 1986. *(Có mặt)*

Địa chỉ: Khu vực H, phường L, quận M, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 22 giờ 30 phút, ngày 30/4/2018, Trương Văn Bé N, sinh năm 1978, trên đường đi đám cưới về ngang nhà chị Lê Thị H, sinh năm 1980, cư trú khu vực S, phường T, quận M thì thấy trước hành lang nhà chị có người ngủ trong mùng nên Bé N đi đến quan sát để tìm tài sản lấy trộm, Bé N nhìn thấy trên đầu nằm của chị H có một điện thoại di động hiệu Samsung nên lấy lười lam trong túi áo rạch mùng lấy trộm điện thoại đem về nhà cất giấu. Đến ngày 03/5/2018, Bé N mang điện thoại trộm được cầm tại cửa hàng QA ở gần cầu sắt TR thuộc phường H, quận N do chị Nguyễn Thị P, sinh năm 1966 làm chủ với giá 1.500.000 đồng *(Một triệu năm trăm ngàn đồng)*, đến ngày 06/5/2018 Bé N chuộc điện thoại lại và bán cho chị Phạm Thị D, sinh năm 1977, cư trú khu vực H, phường L, quận M với giá 2.000.000 đồng *(Hai triệu đồng)*. Sau khi mua điện thoại của Bé N, chị D đưa điện thoại cho Nguyễn Văn Thái A (con ruột của chị) sử dụng, A chụp hình của mình đăng lên Facebook mà trên điện thoại có sẵn tên là “Linh Bùi” thì chị H phát hiện có người lạ đăng hình đại diện trên Facebook của con gái mình tên “Linh Bùi” nên chị H trình báo công

an, sau đó Trương Văn Bé N đến Công an phường Thới Long, quận Ô Môn đầu thú. Tại Cơ quan điều tra Trương Văn Bé N đã thừa nhận toàn bộ hành vi trộm cắp tài sản do mình thực hiện.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 37/KLĐG ngày 14/5/2018 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự quận Ô Môn kết luận: giá của 01 điện thoại di động hiệu Samsung Wide2 J727S số IMEI 357818083975965, đã qua sử dụng vào thời điểm xảy ra vụ trộm cắp tài sản (ngày 30/4/2018) là 2.400.000 đồng (*Hai triệu bốn trăm ngàn đồng*).

Đối với chị Phạm Thị D và chị Nguyễn Thị P khi mua và cầm điện thoại của Trương Văn Bé N không biết đây là tài sản do trộm cắp mà có nên không có cơ sở xử lý.

Vật chứng thu giữ: 01 điện thoại di động hiệu Samsung Wide2 J727S màu bạc, số IMEI 357818083975965.

Về trách nhiệm dân sự: Chị Lê Thị H là chủ sở hữu điện thoại di động hiệu Samsung Wide2 J727S màu bạc nên chị yêu cầu được nhận lại tài sản, ngoài ra không yêu cầu gì thêm. Riêng chị Phạm Thị D yêu cầu Bé N phải trả cho chị số tiền 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*) mà chị đã mua điện thoại từ Bé N.

Tại bản Cáo trạng số 47/CT-VKS-OM ngày 24 tháng 7 năm 2018, Viện kiểm sát nhân dân quận Ô Môn đã truy tố Trương Văn Bé N về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo Khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ô Môn trình bày lời luận tội vẫn giữ quan điểm truy tố bị cáo Trương Văn Bé N theo tội danh và điều luật đã nêu trong cáo trạng. Đồng thời phân tích những tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Khoản 1 Điều 173; Điểm s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; Xử phạt bị cáo Trương Văn Bé N mức án từ 01 (một) năm 06 (sáu) tháng đến 02 (hai) năm tù.

+ Về vật chứng trong vụ án: Đề nghị áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự 2015: Trả lại 01 điện thoại di động hiệu Samsung Wide2 J727S màu bạc, số IMEI 357818083975965, đã qua sử dụng cho chị Lê Thị H là chủ sở hữu.

+ Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại là chị Lê Thị H chỉ yêu cầu nhận lại tài sản và không có yêu cầu bồi thường gì khác.

Đối với số tiền 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*) mà bị cáo đã bán điện thoại di động cho chị Phạm Thị D tại phiên tòa chị D có yêu cầu bị cáo hoàn trả lại cho chị là có cơ sở đề nghị buộc bị cáo trả lại cho chị D.

- Bị cáo Trương Văn Bé N thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng. Đồng thời, bị cáo xin được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng hình sự: Các quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra, hành vi tố tụng của điều tra viên trong quá trình điều tra vụ án; quyết định tố tụng của Viện kiểm sát và hành vi tố tụng của Kiểm sát viên trong giai đoạn truy tố là đúng các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Về căn cứ buộc tội: Lời khai nhận của bị cáo Trương Văn Bé N tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra và phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và vật chứng thu giữ được. Từ đó, có đủ cơ sở chứng minh vào khoảng 22 giờ 30 phút ngày 30/4/2018, lợi dụng trong lúc chị Lê Thị H ngủ say, bị cáo đã lén lút lấy trộm 01 điện thoại di động hiệu Samsung Wide2 J727S màu bạc của chị H để trong mùng ngủ nhằm đem bán lấy tiền tiêu xài cá nhân.

Theo Kết luận định giá tài sản thì giá trị còn lại của 01 điện thoại di động hiệu Samsung Wide2 J727S màu bạc, số IMEI 357818083975965 là 2.400.000 đồng (*Hai triệu bốn trăm ngàn đồng*).

Hành vi của bị cáo làm ảnh hưởng đến an ninh trật tự an toàn trong xã hội. Bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Tổng giá trị tài sản bị cáo trộm cắp là 2.400.000 đồng đã đủ định lượng và đủ yếu tố cấu thành tội phạm được quy định tại Khoản 1 điều 173 của Bộ luật hình sự.

Do đó, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân quận Ô Môn truy tố bị cáo Trương Văn Bé N phạm tội theo quy định tại Khoản 1 Điều 173 là có căn cứ và đúng pháp luật.

[3] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ, tác động xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương.

Bị cáo là người đã trưởng thành, có đủ khả năng nhận thức hành vi, bị cáo biết rõ việc trộm cắp tài sản của người khác là hành vi vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Bị cáo đang trong độ tuổi lao động, có khả năng tạo thu nhập hợp pháp nhưng chỉ vì bản tính tham lam, chây lười lao động, muốn có tiền nhanh chóng để phục vụ nhu cầu cá nhân nên bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội.

Bị cáo là người có nhân thân xấu, bị cáo đã được xóa án tích về tội Trộm cắp tài sản, đáng lý ra bị cáo phải biết tự sửa đổi bản thân để làm người hữu ích nhưng bị cáo vẫn tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp, điều này chứng tỏ bị cáo xem thường pháp luật.

Do đó, để có tác dụng giáo dục răn đe đối với bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội cần có một mức án thật nghiêm khắc, cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định để bị cáo có thời gian ăn năn, hối cải về hành vi sai trái của mình, để từ đó biết sửa đổi bản thân, sống đặt mình trong khuôn khổ của pháp luật.

Tuy nhiên, trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên Hội đồng xét xử có xem xét đến tình tiết này để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

[4] Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Trả lại 01 điện thoại di động hiệu Samsung Wide2 J727S màu bạc, số IMEI 357818083975965, đã qua sử dụng cho chị Lê Thị H là chủ sở hữu.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại là chị Lê Thị H yêu cầu nhận lại tài sản và không có yêu cầu bồi thường gì khác.

Đối với chị Phạm Thị D có yêu cầu bị cáo trả lại cho chị số tiền 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng). Xét thấy, chị D không biết điện thoại di động hiệu Samsung Wide2 J727S màu bạc, số IMEI 357818083975965, đã qua sử dụng mà bị cáo bán cho chị là tài sản do bị cáo trộm cắp mà có, do đó yêu cầu của chị D là có cơ sở chấp nhận nên cần buộc bị cáo trả lại cho chị D số tiền 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*) là phù hợp.

[6] Về án phí sơ thẩm: Xét bị cáo thuộc diện hộ nghèo thu nhập năm 2018 (có Giấy chứng nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo do Ủy ban nhân dân phường Long Hưng cấp ngày 01/01/2018 và có đơn xin miễn nộp tiền án phí của bị cáo) nên bị cáo được miễn nộp tiền án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự;

Tuyên bố: Bị cáo Trương Văn Bé N phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 173; điểm s Khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: **Trương Văn Bé N** 02 (hai) năm tù.

Thời hạn phạt tù tính từ ngày 10/5/2018.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng: Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Trả lại cho chị Lê Thị H 01 điện thoại di động hiệu Samsung Wide2 J727S màu bạc, số IMEI 357818083975965, đã qua sử dụng.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự; Áp dụng các Điều 584; 585 và 589 Bộ luật dân sự:

Bị cáo Trương Văn Bé N có trách nhiệm hoàn trả lại cho chị Phạm Thị D số tiền 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành thì người phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Về án phí: Áp dụng Điểm đ Khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Miễn tiền án phí cho bị cáo Trương Văn Bé N.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án đối với bị cáo và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo bản án. Đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND TP. Cần Thơ;
- VKSND Q. Ô Môn;
- Chi cục THADS Q. Ô Môn;
- Công an Q. Ô Môn;
- Sở Tư pháp TP. Cần Thơ;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Thị Liên